

Số: 64A /TB-ĐKKVCP

Cửa Ông, ngày 13 tháng 01 năm 2026

## THÔNG BÁO

### Về việc yêu cầu báo giá các loại hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm AU480

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện ĐKKV Cẩm Phả có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp các loại hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm AU480 phục vụ công tác chuyên môn của Bệnh viện ĐKKV Cẩm Phả, với nội dung cụ thể như sau:

#### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cẩm Phả

Địa chỉ: tổ 1, khu 3, phường Cửa Ông, Quảng Ninh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà: Phạm Thị Hồng Thúy, TP. Hành chính Quản trị - vật tư, thiết bị Y tế.

Số điện thoại: 0963.023.322; Email: hcqtbvdkkvcp@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Hành chính Quản trị - vật tư, thiết bị Y tế.

Bệnh viện ĐKKV Cẩm Phả, địa chỉ: tổ 1, khu 3, phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh. Điện thoại: 02033940116.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 13 tháng 01 năm 2026 đến trước 16 giờ 30 phút ngày 22 tháng 01 năm 2026

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 22 tháng 01 năm 2026.

#### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị): *Chi tiết tại phụ lục I đính kèm*

2. Bảng cung cấp thông tin hàng hóa và chào giá: *Chi tiết tại phụ lục II đính kèm*

3. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: cung cấp, bàn giao nghiệm thu hàng hóa tại kho Vật tư hóa chất, phòng HCQT-VT, TBYT của Bệnh viện ĐKKV Cẩm Phả.

4. Thời gian cung cấp hàng hóa: trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: không áp dụng

- Thanh toán: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày bàn giao nghiệm thu và nhà thầu cung cấp đầy đủ giấy tờ, hồ sơ theo quy định.

6. Các thông tin khác (nếu có).

Kính mời các Công ty/ đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp hàng hóa nêu trên, báo giá và điền đầy đủ thông tin chi tiết của hàng hóa theo mẫu báo giá tại **phụ lục II** đính kèm.

Bệnh viện ĐKKV Cẩm Phả trân trọng thông báo. 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Website: BVĐKKVCP;
- Lưu: VT, HCQT-VT, TBYT. 



**Nguyễn Đức Thanh**

## PHỤ LỤC I

**Danh mục thiết bị y tế ( vật tư, hóa chất xét nghiệm)**  
(Kèm thông báo số : 64A /TB-ĐKKVCP ngày 13/01/2026 )

STT	Nội dung yêu cầu về danh mục hàng hóa và các thông tin liên quan về kỹ thuật (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng
<b>I.</b>	<b>Hoá chất sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. (hãng sản xuất: Beckman Coulter/Hoa Kỳ)</b>		
<b>A.</b>	<b>Yêu cầu chung cho các loại hóa chất</b>		
	- Hóa chất mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở lại đây		
	- Xuất xứ hóa chất: Hàng hóa có xuất xứ tại các nước thuộc nhóm G7.		
<b>B.</b>	<b>Yêu cầu danh mục hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. ( 08 danh mục)</b>		
1	<b>Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerid</b> Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng triglyceride; Thành phần: Đệm PIPES (pH 7,5) 50 mmol/L; Mg <sup>2+</sup> 4,6 mmol/L; MADB 0,25 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,5 mmol/L; ATP 1,4 mmol/L; Lipases 1,5 kU/L (25 $\mu$ kat/L); Glycerol kinase 0,5 kU/L (8,3 $\mu$ kat/L); Peroxidase 0,98 kU/L (16,3 $\mu$ kat/L); Ascorbate oxidase 1,48 kU/L (24,6 $\mu$ kat/L); Glycerol-3-phosphate oxidase 1,48 kU/L (24,6 $\mu$ kat/L); Phương pháp: Enzym; Dải tuyến tính: 0,1 – 11,3 mmol/L (10 – 1000 mg/dL); Bước sóng: 660 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV $\leq$ 3,0%; Độ chụm toàn phần: CV $\leq$ 5,0%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 8 test	ml	250
2	<b>Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein toàn phần</b> Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần; Thành phần: Natri hydroxyd 200 mmol/L; Kali natri tartrat 32 mmol/L; Đồng sulphat 18,8 mmol/L; Kali iodid 30 mmol/L; Phương pháp: Đo quang; Dải tuyến tính: 30–120 g/L (3–12 g/dL); Bước sóng: 540nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV $\leq$ 3,0%; Độ chụm toàn phần: CV $\leq$ 4,0%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test	ml	96
3	<b>Hóa chất xét nghiệm định lượng Direct Bilirubin</b> Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp; Dải đo: 0,9 – 171 $\mu$ mol/L (0,05 – 10 mg/dL); Độ lặp lại: CV $\leq$ 5%; Độ chụm toàn phần: CV $\leq$ 7,5%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 16 test	ml	80
4	<b>Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL-C</b> Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-cholesterol; Thành phần: Kháng thể kháng $\beta$ -lipoprotein ở người; Cholesterol esterase (CHE) 0,8 IU/mL; Cholesterol oxidase (CHO) 4,4 IU/mL; Peroxidase (POD) 1,7 IU/mL; Ascorbate Oxidase 2 IU/mL; Dung dịch đệm Good's (pH 7) 30 mmol/L; N-Ethyl - N - (2-hydroxy-3-sulfopropyl) - 3,5- dimethoxy - 4 fluoroaniline (F-DAOS) 0,2 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,67	ml	273,6

	mmol/L; Phương pháp: Enzymatic; Dải tuyến tính: 0,05 - 4,65 mmol/L (2 -180 mg/dL); Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: $CV \leq 3,0\%$ ; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 4,0\%$ ; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test		
5	<b>Hóa chất kiểm tra cho xét nghiệm HDL/LDL</b> Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol; Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol (người); Chất kiểm chứng 2 mức; Các giá trị có thể được truy xuất theo phương pháp tham chiếu HDL và LDL-cholesterol của US CDC (Centre for Disease Control)	ml	10
6	<b>Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ammonia</b> Thuốc thử xét nghiệm định lượng amoniac; Thành phần: Thuốc thử A1 chứa Natri tetraborat 30 mmol/L, chất bảo quản, pH 9,3; Thuốc thử A2 chứa Natri tetraborat 30 mmol/L, NADPH 0,24 mmol/L; Thuốc thử B chứa Hepes 400 mmol/L, 2-oxoglutarat 22 mmol/L, glutamat dehydrogenase > 320 U/mL, chất bảo quản, pH 7; Phương pháp: Quang phổ, Glutamate Dehydrogenase; Loại mẫu: Huyết tương; Giới hạn phát hiện: 26,2 $\mu\text{mol/L}$ (44,5 $\mu\text{g/dL}$ ); Giới hạn tuyến tính: 600 $\mu\text{mol/L}$ (1022 $\mu\text{g/dL}$ ); Độ lặp lại: $CV \leq 4,5\%$ ; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 6\%$	ml	27
7	<b>Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol</b> Thuốc thử xét nghiệm định lượng ethanol; Thành phần: Thuốc thử A chứa đệm PIPES 100 mmol/L, chất bảo quản, pH 7,9; Thuốc thử B chứa đệm PIPES 50 mmol/L, NAD 15 mmol/L, alcohol dehydrogenase (ADH) > 18 KU/L, chất bảo quản, pH 6,2; Phương pháp: Quang phổ, Alcohol Dehydrogenase; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương, Nước tiểu; Giới hạn phát hiện: 8,11 mg/dL (1,76 mmol/L); Giới hạn tuyến tính: 300 mg/dL (65,1 mmol/L); Độ lặp lại: $CV \leq 3,5\%$ ; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 4,5\%$	ml	54
8	<b>Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose</b> Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng glucose; Thành phần: Dung dịch đệm PIPES (pH 7,6) 24 mmol/L; ATP $\geq 2$ mmol/L; NAD <sup>+</sup> $\geq 1,32$ mmol/L; Mg <sup>2+</sup> 2,37 mmol/L; Hexokinase $\geq 0,59$ kU/L; G6P-DH $\geq 1,58$ kU/L ; Phương pháp: Enzymatic (hexokinase method); Dải tuyến tính: Huyết thanh/ huyết tương / dịch não tủy: 0,6 – 45,0 mmol/L, Nước tiểu: 0,2 – 45 mmol/L; Bước sóng: 340 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu và dịch não tủy; Độ lặp lại: $CV \leq 3\%$ ; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 5\%$ ; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 13 test	ml	450
	<b>Tổng cộng: 08 danh mục</b>		

**PHỤ LỤC II**  
**BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ BÁO GIÁ**

(Kèm thông báo số: 64A /TB-DKKVCP ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Bệnh viện ĐKKV Cẩm Phả)

**Thông tin của đơn vị báo giá**  
(tên, địa chỉ, số điện thoại, email)

**BẢNG BÁO GIÁ**

Kính gửi: Bệnh Viện Đa khoa Khu vực Cẩm Phả

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả, chúng tôi...(ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá ( gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh) báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các trang thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

Stt	Tên hàng hóa, thiết bị y tế	Tên thương mại, ký mã hiệu, model sản phẩm. Quy cách, đóng gói	Số đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Thông số kỹ thuật cơ bản của sản phẩm	Mã HS	Hãng, nước sản xuất	Hãng, nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá (gồm thuế)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											
2											
3											

**Ghi chú:** - Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế.

- Đơn vị phải cung cấp đầy đủ thông tin vào các cột chưa điền thông tin.

- Đơn vị cung cấp kèm theo bản scan hợp đồng đã trúng thầu trong vòng 12 tháng gần nhất (nếu có)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày 22 tháng 01 năm 2026. (ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày)

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

Ngày ..... tháng ..... năm

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp**  
(ký tên, đóng dấu (nếu có))